TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 51/2018/DS-ST Ngày 11-7-2018 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Mẫn.

-Các hội thẩm nhân dân:

Bà: Trần Thị Thu Thảo

Bà: Trần Thị Liễu.

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: không.

Hôm nay, ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 272/2017/TLST- DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Đ**, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp PX, xã PM, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: 1/ Bà **Nguyễn Thị Kim L** (tên thường gọi là Nguyễn Thị Kim H) sinh năm 1980 (vắng mặt);

2/ Ông **Nguyễn Minh Ph**, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp PX1, xã PM1, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Dương Thị Đ trình bày:

Khoảng năm 2002 tôi có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh Ph và bà Nguyễn Thị Kim L (tên thường gọi của bà L là Nguyễn Thị Kim H) mượn nhiều lần tổng cộng là 4,5 chỉ vàng 24kra và 02 lần mượn tiền mặt gồm 3.000.000 đồng và tiền hụi là 8.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả, tôi nhiều lần đến gặp và yêu cầu vợ chồng ông Ph, bà L trả nợ nhưng vợ chồng ông Ph và bà L cứ hẹn nhiều lần. Đến thời gian sau này, tôi đến nhà đòi vàng và tiền nhưng không gặp ông Ph ở nhà mà chỉ có bà L ở nhà, tôi viết giấy mượn tiền đưa cho bà L xem, bà L xác nhận đúng số tiền và vàng đã mượn nên ký tên vào giấy, nhưng bà L lại ký tên là H và ghi rõ họ tên là Nguyễn Thị Kim H theo tên thường gọi của bà L. Ngày 08-5-2018 tôi có làm đơn và được Uỷ ban nhân dân xã PM xác nhận bà Nguyễn Thị Kim L còn có tên thường gọi là Nguyễn Thị Kim H. Hiện tại vợ chồng ông Ph bà L cố tình lẫn tránh và không trả nợ cho tôi. Nay tôi khởi kiện ông Ph và bà L yêu cầu trả cho tôi số vàng là 4,5 chỉ vàng 24kra tính ra thành tiền là 17.000.000 đồng, 3.000.000 đồng tiền mặt, 8.000.000 đồng tiền hụi. Tổng cộng là 28.000.000 đồng, trả đủ một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Minh Ph và bà Nguyễn Thị Kim L: Quá trình thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà L và ông Ph nhưng bà L, ông Ph vẫn không đến tham dự và cũng không gửi ý kiến của ông bà đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, vì theo giấy nợ ghi mượn nhưng bà Đ khai bà đi vay vàng người khác về giao cho bà L (H) ông Ph vay lại, thực tế ông Ph bà L có trả lãi một thời gian thì ngưng sau này ghi giấy là mượn, riêng tiền hụi tại phiên tòa bà Đ khai nhận bà tham gia chơi hụi với người khác và hốt hụi giao tiền cho bà L hai lần 11.000.000 đồng nên quan hệ hụi bà Đ với người khác không phải bà L tham gia nên không thể xác định đây là quan hệ hụi, vụ án này không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ

luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Minh Ph cùng có nơi cư trú là ấp PX, xã PM, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên Toà án nhân dân huyện Tân Phước thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nghĩa vụ trả nợ khi vay tiền đến nay ông Ph và bà L là vợ chồng đang tồn tại hôn nhân nên buộc phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà hôm nay, bà L ông Ph không đến tham dự phiên toà, bà L ông Ph vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặc xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L ông Ph là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà Đ khởi kiện yêu cầu bà L, ông Ph trả 4,5 chỉ vàng 24kra và số tiền 11.000.000 đồng là có căn cứ, bởi lẽ sau khi bà L, ông Ph không thực hiện việc trả nợ thì bà Đ có làm giấy mượn tiền và bà L (H) ký tên và ghi họ tên mình trong giấy nợ nên mặc nhiên bà L đã thừa nhận có nợ bà Đ 4,5 chỉ vàng 24kra và số tiền 11.000.000 đồng và ghi cam kết trả mỗi tháng 200.000 đồng; sau khi bà Đ khởi kiện bà L, ông Ph cố tình không tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận chứng cứ, nội dung khởi kiện của bà Đ cung cấp.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định về mức thu... án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1-Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L (tên thường gọi Nguyễn Thị Kim H) và ông Nguyễn Minh Ph liên đới trả cho bà Dương Thị Đ số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) và 4,5 chỉ vàng 24kra (bốn chỉ rưỡi).

Thi hành án một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu chậm thi hành thì hàng tháng bà L, ông Ph phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Buộc bà L, ông Ph phải liên đới chịu 1.360.000 đồng án phí DSST.

Hoàn lại bà Đ số tiền 700.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 19055 ngày 15/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

3. Quyền kháng cáo: Bà Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà L, ông Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Văn Mẫn